

Khu BTTN Pù Huống

Tên khác

Bù Huống, Phù Huống

Tỉnh

Nghệ An

Tình trạng

Quyết định

Ban quản lý được thành lập

Chưa có

Vĩ độ

19°15'-19°29' vĩ độ Bắc

Kinh độ

104°43' - 105°00' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

10b - Bắc Đông Dương



Tình trạng bảo tồn

Pù Huống có tên trong danh lục các khu rừng đặc dụng theo Quyết định Số 194/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ngày 9/8/1986 (Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn 1997). Trong danh lục này Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống có diện tích là 5.000 ha, nhằm mục tiêu bảo tồn diện tích rừng tự nhiên còn lại và loài cây gỗ quý là Pơ Mu *Fokienia hodginsii* (Cao Văn Sung 1995). Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống nằm trong địa giới hành chính của 5 huyện của tỉnh Nghệ An là Quỳnh Châu, Quỳnh Phong, Quỳnh Hợp, Tương Dương và Con Cuông. Trong kế hoạch sử dụng đất của tỉnh năm 1993 đã quy hoạch một vùng rừng đặc dụng và phòng hộ thuộc năm huyện trên với diện tích là 34.409 ha. Dựa vào kết quả điều tra thực địa tháng 3/1995, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Nghệ An đã đề xuất xây dựng Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống, nâng diện tích của khu bảo tồn lên 49.845 ha (Anon. 1995). Theo Chi cục Kiểm lâm, dự án đầu tư thành lập Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống xây dựng năm 1995 đã được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Nghệ An phê chuẩn. Pù Huống cũng đã được đưa vào danh lục đề xuất các khu rừng đặc dụng của Việt Nam đến năm 2010, trong danh lục này Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống có diện tích là

50.075 ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 35.939 ha (Cục Kiểm lâm 1998).

Địa hình và thủy văn

Pù Huống nằm ở phần kéo dài phía bắc của giải Trường Sơn. Đặc điểm địa chất của Pù Huống chưa được nghiên cứu kỹ, mặc dầu vậy qua một số nghiên cứu bước đầu cho thấy trong vùng có các loại đá chính là đá granite, riolite, đá diệp thạch và đá cát kết. Đây là những mẫu đá được tìm thấy nhiều nơi trong vùng. Các núi đá vôi thấp phân bố ở phía bắc, phía đông và nam của khu bảo tồn. Khu bảo tồn có địa hình đồi núi, dốc và hiểm trở. Độ cao trong vùng dao động trong khoảng từ 200 đến 1.560 m. Kiểu địa hình phổ biến là các dãy núi có độ cao từ 950 m đến 1.560 m chạy theo hướng tây bắc - đông nam. Điểm cao nhất trong khu bảo tồn là đỉnh Phu Lon (1.560 m) ở phần cuối phía tây-bắc của dãy núi.

Các dãy núi hình thành nên ranh giới phân chia ba huyện về phía đông bắc và hai huyện về phía tây nam của khu bảo tồn. Các dãy núi cũng hình thành đường phân thủy của sông Hiếu về phía bắc và sông Cả về phía nam. Sông Hiếu nhập vào sông Cả ở phần nam của tỉnh Nghệ An, tạo nên phần lưu vực chính sông Cả. Sông Cả là sông có lưu vực lớn thứ tư của Việt Nam, lưu vực

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống

của nó bao gồm ba tỉnh của Lào. Sông Cả đổ ra cửa biển gần thành phố Vinh.

Đa dạng sinh học

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống có hai kiểu rừng chính: rừng thường xanh đất thấp và rừng thường xanh núi thấp (Kemp và Dilger 1996). Cả hai kiểu rừng trên đều ít nhiều mang yếu tố rừng rụng lá. Rừng thường xanh đất thấp phân bố trong khoảng độ cao từ 400 đến 750 m. Phần rìa của kiểu rừng này đã bị tác động mạnh và ưu thế bởi các loài thuộc họ Dầu Dipterocarpaceae như Sao mặt quỷ *Hopea mollissima*, Táo lá nhỏ *Vatica fleuryana*. Diện tích kiểu rừng này trước đây được khai thác cho mục đích thương mại cũng đã phục hồi trở lại. Rừng thường xanh núi thấp phân bố ở độ cao trên 750 m. Đối với kiểu rừng này, sự tác động chỉ xảy ra đối với những vùng dễ dàng tiếp cận ở những đai độ cao thấp. Càng lên cao hệ thực vật càng ưu thế bởi các loài thuộc các họ Hồ đào Juglandaceae, Dẻ Fagaceae và Long não Lauraceae. Tổng cộng có 612 loài thực vật bậc cao có mạch đã ghi nhận được ở Pù Huống, trong đó có 30 loài có tên trong *Sách Đỏ Việt Nam*.

Khu hệ động vật Pù Huống chưa được hiểu biết nhiều do có ít các đợt khảo sát được thực hiện cho khu vực này. Khu hệ bướm cũng ít được nghiên cứu, tổng cộng có 176 loài bướm đã được ghi nhận ở Pù Huống so với 236 loài đã được ghi nhận ở khu bảo tồn thiên nhiên Pù Mát cách Pù Huống khoảng 30 km về phía nam (Kemp và Dilger 1996, Eve *et al.* 1998). Tương tự mới có 18 loài bò sát và 5 loài ếch nhái đã ghi nhận cho Pù Huống (Kemp và Dilger 1996).

Tổng cộng 148 loài chim đã ghi nhận ở Pù Huống (Kemp và Dilger 1996), trong đó có 10 loài trong *Sách Đỏ Việt Nam* và 5 loài trong *Danh lục các loài chim bị đe dọa trên thế giới* của Collar *et al.* (1994). Trong tổng số các loài chim ghi nhận được ở Pù Huống thì 84% số loài cũng được ghi nhận ở khu bảo tồn thiên nhiên Pù Mát, điều này cho thấy có sự tương đồng cao giữa khu hệ chim của hai khu bảo tồn thiên nhiên này (Round 1999).

Theo Kemp và Dilger (1996), các loài thú bị đe dọa toàn cầu như Bò tót *Bos gaurus* và Voi *Elephas maximus* cũng đã ghi nhận cho vùng. Tuy vậy, với áp lực săn bắn cao đang diễn ra ở Pù Huống và các sinh cảnh rừng tự nhiên thích hợp cho chúng đang bị suy giảm và tách ly thành từng vạt rừng nhỏ. Pù Huống hiện có quần thể loài Vượn đen bạc má *Hylobates leucogenys* (Kemp và Dilger 1996). Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống có diện tích sinh cảnh tự nhiên đủ lớn cho sự tồn tại và phát triển của loài vượn này, vì vậy hiện tại mối đe dọa lớn nhất đối với loài này chính là săn bắn. Ngoài ra sự có mặt của Sao la *Pseudoryx nghetinhensis* trong vùng cũng được ghi nhận năm 1995 thông qua phỏng vấn và định loại mẫu tiêu bản (Kemp *et al.* 1997).

Các vấn đề về bảo tồn

Giống như nhiều khu bảo vệ khác ở Việt Nam, các hoạt động của con người cũng đã làm mất hoặc suy thoái phần lớn diện tích rừng tự nhiên ở Pù Huống. Đáng chú ý là khai thác chọn gỗ và phá rừng lấy đất canh tác. Khai thác gỗ thương mại diễn ra vào những năm 1960 cũng đã tác động đến rừng và làm mất rừng. Hoạt động khai thác gỗ hiện đã được tạm dừng. Khai thác gỗ hiện nay chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sử dụng của gia đình, phần lớn dùng để xây nhà (Kemp và Dilger 1996). Ước tính diện tích rừng kín thường xanh còn lại trong phạm vi khu bảo tồn nhỏ hơn 20.000 ha (Kemp *et al.* 1997).

Săn bắn là đe dọa lớn đối với đa dạng sinh học ở Pù Huống, đặc biệt là đối với quần thể các loài thú lớn vẫn còn tồn tại trong khu bảo tồn. Kemp và Dilger (1996) cho biết các loài có giá trị bảo tồn như Sao la, Vượn đen bạc má là đối tượng bị săn bắn khá thường xuyên.

Kết quả nghiên cứu về buôn bán động vật hoang dại tại Pù Mát đã đưa ra nhận định: do giao thông khó khăn và chỉ có ít các trạm kiểm soát trên trục đường chính (tỉnh lộ 548) phía đông của Pù Huống đã tạo điều kiện cho những người buôn bán động vật vận chuyển động vật ra ngoài từ phía nam của khu bảo tồn dọc theo quốc lộ số 7 (K. Blazeby, pers. comm.). Rất khó để xác định

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống

chắc chắn nguồn gốc của các loài động vật bị tịch thu dọc theo quốc lộ này, nhưng khả năng phần lớn các loài được săn bắt ở Pù Huống. Các loài động vật sau khi mang ra khỏi rừng được những người chuyên buôn bán động vật hoang dã thu gom sau đó bán ở thị trường trong nước hoặc vận chuyển trái phép qua biên giới, chủ yếu là sang Trung Quốc (Blazeby et al. 1999). Ngoài các loài động vật lớn người dân còn bắt một số loài bò sát, đây là những loài khá phong phú trong vùng (Kemp và Dilger 1996). Chim cũng được bắt và bắt để buôn bán nuôi làm cảnh, như chim Yểng *Gracula religiosa*.

Hiện tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống chưa có ban quản lý, rừng thuộc khu bảo tồn do hạt kiểm lâm các huyện chịu trách nhiệm quản lý, nhìn chung các hoạt động liên quan đến bảo tồn vẫn chưa được triển khai trong vùng.

Các giá trị khác

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống có vai trò quan trọng trong phòng hộ đầu nguồn của sông Cả và sông Hiếu. Chức năng phòng hộ của rừng Pù Huống có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cộng đồng địa phương trong việc điều tiết dòng chảy của sông, suối bởi vì vùng này hàng năm có lượng mưa thấp hơn so với vùng lân cận, lượng mưa trung bình năm ở Pù Huống là 800-1.000 mm, trong khi ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Mát nằm về phía nam khoảng 30 km có lượng mưa trung bình năm lên tới 1.268-1.791 mm (Kemp et al. 1997).

Các dự án có liên quan

Chưa có thông tin.

Tài liệu tham khảo

Anon. (1995) [A report on the natural resources of Pu Huong Nature Reserve, Nghe An province]. Vinh: Nghe An Provincial People's Committee. In Vietnamese.

Blazeby, K., Le Nguyen Ngat, Do Quang Thai and Nguyen Quang Truong (1999) An analysis of

wildlife trade dynamics around the Pu Mat Nature Reserve. Vinh: Social Forestry for Nature Conservation in Nghe An Province.

Chu Van Dung (1998) Biodiversity in the nature reserves of Nghe An province. Lam Nghiep [Vietnam Forest Review] November/December 1998: 54-55. In Vietnamese.

Eve, R., Nguyen Viet Dung and Meijboom, M. (1998) Vu Quang Nature Reserve: a link in the Annamite chain. Volume 2, No. 0: list of species: fauna and flora. Hanoi: WWF Indochina Programme

Hill, M. J. and Monastyrskii, A. L. (1998) Butterfly fauna of protected areas in north and central Vietnam collections 1994-1997. Atalanta 29: 185-208.

Kemp, N. and Dilger, M. (1996) Site description and conservation evaluation: Bu Huong proposed nature reserve, Quy Chau district, Nghe An province, Vietnam. The Society for Environmental Exploration and Xuan Mai Forestry College.

Kemp, N., Dilger, M., Burgess, N. and Chu Van Dung (1997) Status of the Saola *Pseudoryx nghetinhensis*. Oryx 31(2): 89-91. In English.

Kemp, N., Dilger, M., Burgess, N. and Chu Van Dung (1997) The Saola *Pseudoryx nghetinhensis* in Vietnam: new information on distribution and habitat preferences and conservation needs. Oryx 31(1): 37-45.

Monastyrskii, A. L., Nguyen Thi Hong and Yokochi, T. (2000) A new subspecies of the genus *Euthalia* Hubner, 1819, from Vietnam (Lepidoptera, Nymphalidae). Bulletin de la Societe Entomologique de France 105(2): 209-212.

Phan Ke Loc and Nguyen Tien Hiep (1999) Is there *Cunninghamia konishii* Hayata growing in wild in Vietnam and what is the scientific name of the Sa moc dau. Pp 61-64 in: Nguyen Thai Tu ed. [Selected reports on the biodiversity of the northern Truong Son range] Hanoi: Hanoi National University Press. In Vietnamese.

Round, P. D. (1999) Avifaunal surveys of the Pu Mat Nature Reserve, Nghe An province, Vietnam 1998-1999. Vinh: Social Forestry for Nature Conservation in Nghe An Province.